



# MỤC LỤC

- I. Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**
- II. Lịch sử hoạt động của công ty**
  1. Quá trình phát triển và những sự kiện quan trọng
  2. Định hướng phát triển
  3. Triết lý kinh doanh
  4. Sứ mệnh và tầm nhìn
  5. Các mục tiêu của giai đoạn 2009-2012
- III. Tổ chức và nhân sự**
  1. Cơ cấu tổ chức
  2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của ban giám đốc
  3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động
    - a. Số lượng lao động
    - b. Chính sách với người lao động
- IV. Thông tin cổ đông và quản trị công ty**

Thông tin về hội đồng quản trị và ban kiểm soát
- V. Báo cáo của HĐQT & BGD về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 và phương hướng phát triển trong thời gian tới**
- VI. Báo cáo tài chính năm 2008**
  1. Báo cáo tài chính năm 2008
  2. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2008



## I. Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

**“Mỗi khách hàng là một bằng hữu và mỗi sản phẩm là một lời cam kết”**

Có một câu châm ngôn, mà theo tôi, tất cả doanh nghiệp đều nói đến: “Khách hàng là thượng đế”. Thế nhưng, với Hữu Liên, tôi lại có một quan niệm khác. Tôi quan niệm rằng mỗi khách hàng là một người bạn. Đó chính là lý do tôi đã chọn tên Hữu Liên cho thương hiệu của mình.

”Hữu“là tình bạn hữu. ”Liên“ là sự liên kết. Đó là sự liên kết của tình bạn hữu, một mối quan hệ mà ở đó niềm tin và chữ Tín phải luôn được đặt lên hàng đầu.

Vì niềm tin, chúng tôi đặt mình vào vị trí của bằng hữu để tìm đến sự hài lòng cho những sản phẩm chất lượng và cho một thương hiệu uy tín. Vì chữ ”TÍN“ của thương hiệu, trong từng sản phẩm, dù là nhỏ nhất, chúng tôi đều gửi vào đó một lời cam kết, cam kết về những sản phẩm **“chất lượng thép, uy tín vàng”**.

Gần 30 năm dựng xây và phát triển, niềm tin và chữ tín của thương hiệu Hữu Liên đã vươn tầm ra thế giới. Thành công ấy đã phần nào khẳng định quan niệm của chúng tôi trong kinh doanh: **“mỗi khách hàng là một bằng hữu và mỗi sản phẩm là một lời cam kết”**.

Với thế và lực hiện có, tôi tin rằng Hữu Liên sẽ trở thành một trong những thương hiệu Thép hàng đầu tại Việt Nam và tiến tới phát triển thành một tập đoàn đa ngành mang tầm vóc khu vực & quốc tế với thương hiệu Việt.



## **II. Lịch sử hoạt động của công ty**

### **1. Quá trình phát triển và những sự kiện quan trọng**

Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường từ năm 1978 bắt đầu từ mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như: xích, líp, cãm xe và đây là một trong những doanh nghiệp hiếm hoi thuở đó sản xuất những sản phẩm phụ tùng cho xe máy và xe đạp. Chỉ trong vòng 2 năm, cơ sở sản xuất được mở rộng, quy mô lớn hơn với hơn 100 nhân viên. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, tổ sản xuất Hữu Liên phát triển mạnh về cả sản lượng và quy mô sản xuất thành Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên.

Đến ngày 4/4/1992, Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên lấy tên là doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực sản xuất

Sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại đen, sản xuất nhựa, sản xuất ống thép các loại, kinh doanh thương mại mua bán phục vụ sản xuất, đại lý ký gởi các loại hàng hóa. Và 7 năm sau đó, khi ở Việt Nam bắt đầu có những cơ sở sản xuất ống thép thì Hữu Liên Á Châu đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên có thể sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp.

Ngày 20/4/2001 mang một dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với trụ sở chính đặt tại KE A2/7 Tân Kiên-Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM (theo Giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và 9 cổ đông sáng lập). Cho đến thời điểm hiện nay, ống thép là sản phẩm chủ lực của công ty Hữu Liên Á Châu với doanh thu và sản lượng hàng năm của ngành hàng ống chiếm trên 2/3 tổng doanh thu của nhà máy. Sản phẩm ống thép của Công ty phong phú với các sản phẩm như ống thép tròn, ống oval, ống chữ D, ống vuông. Độ dày thành ống hiện nay của Công ty sản xuất cũng rất đa dạng, từ 0,7 mm đến 3,5 mm với nhiều quy cách khác nhau tương ứng với nhu cầu của khách hàng.

Năm 2002, Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và năm 2006, để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 140 tỷ đồng.



Năm 2007 là năm Công ty có nhiều sự kiện quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục mở rộng các hoạt động kinh doanh. Công ty đã ký kết hợp tác chiến lược với 6 nhà đầu tư chiến lược là các Công ty địa ốc, Ngân hàng và Công ty tài chính để tăng vốn điều lệ thêm 50 tỷ đồng nhằm đầu tư cho Dự án dây chuyền cán ủ mới nhằm chủ động hơn trong vấn đề nguyên vật liệu. Công ty cũng đã mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như: Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính. Ngoài ra, để sản xuất thêm các sản phẩm từ thép và inox, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty CP Minh Hữu Liên với vốn góp chiếm 61,54% tổng vốn điều lệ. Tính đến ngày 04 tháng 01 năm 2008, vốn điều lệ Công ty đạt mức 190 tỷ đồng.

Ngày 16/06/2003, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2000 với Giấy chứng nhận số HT 508.03.17 do Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACER cấp. Về hoạt động kinh doanh và phân phối sản phẩm, Công ty CP có hệ thống đại lý rộng khắp cả nước, sản phẩm của Công ty đã được tin nhiệm tại thị trường trong nước, đồng thời đã xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á. Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Việt Nam vào tháng 03 năm 2003 và tại các nước: Myanma, Lào, Thái Lan, Australia, Singapore vào tháng 04 năm 2005.

## **2. Định hướng phát triển**

Tiếp tục khẳng định Hữu Liên Á Châu là một trong những nhà sản xuất ống thép hàng đầu về quy mô, chất lượng và thị phần tại Việt Nam.

Cam kết từng bước nâng cấp quy trình quản trị doanh nghiệp, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho việc phát triển công nghệ, liên tục đào tạo để nâng cao trình độ công nhân, có chính sách thu hút nhân tài nhằm tạo dựng đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững cho toàn công ty.

## **3. Triết lý kinh doanh**

### **- Gia tăng sản lượng**

Sản lượng tăng liên tục qua các năm là biểu hiện cho sự phát triển không ngừng của công ty. Công ty luôn xem trọng việc tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ đồng thời mở rộng các kênh phân phối, các đối tượng khách hàng với mục tiêu trở thành doanh nghiệp có sản lượng ống thép đứng đầu cả nước.



- **Cải tiến chất lượng**

Đi đôi với sản lượng là chất lượng. Với nhiều năm phát triển, Hữu Liên được biết đến với một thương hiệu thép uy tín, một sản phẩm thép chất lượng. Công ty luôn tự ý thức rằng chất lượng chính là sự sống còn và là ưu thế cạnh tranh của công ty trên thị trường thép hiện nay.

- **Dịch vụ gia tăng**

Những dịch vụ gia tăng hợp lý, linh hoạt của Hữu Liên Á Châu là thế mạnh cạnh tranh của công ty trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Các dịch vụ có thể kể đến như hỗ trợ chuyên chở, hỗ trợ công nợ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ bảo hành... Công ty hiện đang xây dựng bộ phận chuyên chăm sóc và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng về một sản phẩm thép chất lượng.

#### 4. Sứ mệnh và tầm nhìn

- **Sứ mệnh**

- Trở thành một thương hiệu thép dẫn đầu cả nước, với sản lượng và thị phần không ngừng tăng qua các năm.

- Mở rộng xuất khẩu sản phẩm và xuất khẩu thương hiệu ra tầm khu vực và vươn mình thế giới.

- **Giá trị cốt lõi**

- Giá trị cốt lõi của Hữu Liên Á Châu được đan xen và thể hiện rõ ràng thông qua 4 yếu tố sau:

- **Ban lãnh đạo:** là sự giao thoa giữa kinh nghiệm thế hệ người đi trước cùng kiến thức và sức bật của thế hệ trẻ đi sau. Ban Lãnh Đạo vẫn đang được mở rộng thông qua việc mời gọi các người tài góp sức để có thể đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của công ty.

- **Lời hứa:** “Chất lượng thép, uy tín vàng”, lời hứa đó được Hữu Liên Á Châu thực hiện triệt để từ khi mới thành lập. Trong ngành hàng thép hiện nay, chất lượng sản phẩm của Hữu Liên Á Châu được khách hàng đánh giá cao và lấy làm tiêu chuẩn để so sánh khi mua sản phẩm.

- **Khách hàng:** Là công ty đầu tiên của Việt Nam sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp, sau nhiều năm phát triển không ngừng, Hữu Liên Á Châu đã có một đội ngũ khách hàng đông đảo, trung thành và rộng khắp đất nước.



- **Nhân Sự:** Với gần 600 nhân viên chuyên nghiệp, trung thành, Hữu Liên Á Châu như có một điểm tựa vững chắc trong sự phát triển không ngừng của mình.

#### **5. Các mục tiêu của giai đoạn 2010-2012:**

Cho tới thời điểm hiện nay, chưa có một tổ chức nào có thể đưa ra một cái nhìn toàn diện và chính xác nhất về qui mô cũng như ảnh hưởng của cuộc ảnh hưởng tài chính toàn cầu lần này.

Cuộc khủng hoảng hiện nay đang diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp, những bất ổn về chính trị, mâu thuẫn về tôn giáo ... đang gia tăng trên thế giới, do đó, việc dự đoán diễn biến của cuộc khủng hoảng này là rất khó khăn.

Tuy nhiên, các chuyên gia của tổ điều hành thị trường trong nước dự báo với biện pháp tích cực của chính phủ, các bộ, các ngành trong việc ngăn chặn đà suy giảm kinh tế, tình hình kinh tế vĩ mô năm 2009 và những năm tiếp theo sẽ khả quan hơn, kèm theo đó, thị trường hàng hóa trong nước sẽ dần đi vào ổn định.

Hiệp hội thép Việt Nam ( VSA ) dự báo, với những khó khăn hiện tại kéo dài trong suốt năm 2009, mức tiêu thụ ngành thép sẽ tăng trưởng không đáng kể và sẽ phục hồi vào cuối năm 2009. Và ở một dự báo khác, VSA tính toán nếu các chính sách điều chỉnh kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện kích cầu đầu tư và xây dựng phát huy tác dụng, ngành thép sẽ tăng trưởng từ 2% đến 5% cho những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh hiện nay, chính phủ Việt Nam vẫn xác định định hướng phát triển của ngành thép Việt Nam căn cứ vào quyết định số : 145/2007/QĐ\_TTg qui hoạch ngành thép giai đoạn 2007-2015, có xem xét tới năm 2025 với mục tiêu và sản lượng cụ thể như sau :

	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2025</b>
<b>Nhu Cầu Thép</b> <b>( Triệu Tấn )</b>	<b>12</b>	<b>16</b>	<b>25</b>

(Trong đó ngành ống thép chiếm khoảng 8% , ngành thép cuộn, tấm cán nóng, cán nguội chiếm khoảng 44%)



Căn cứ vào những nhận định như trên, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của công ty tới năm 2012 cụ thể như sau :

<b>Chỉ Tiêu</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
I. Tổng sản lượng	179.043, tấn	196.947, tấn	216.642, tấn
II. Tổng doanh thu	2,096,00 tỷ	2.306,00 tỷ	2.536,00 tỷ
III. Lợi nhuận sau thuế	82,40 tỷ	90,50 tỷ	97,50 tỷ
IV. Nộp ngân sách	27,50 tỷ	30,00 tỷ	32,50 tỷ
V. Chia cổ tức	15%	15%	15%

### **III. Tổ chức và nhân sự**

#### **1. Cơ cấu tổ chức**

##### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

##### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

##### **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

**Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh và Giám đốc sản xuất – kỹ thuật.



Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Sản xuất - Kỹ thuật.

### **Phòng kinh doanh**

Nhận đơn hàng; Bán hàng; Nhận thông tin phản hồi từ khách hàng; Giải quyết các khiếu nại, đàm phán với khách hàng.

### **Phòng hành chính**

Giải quyết các vấn đề về nhân sự; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty.

### **Phòng quản lý chất lượng**

Theo dõi và quản lý chất lượng của nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm; kiểm tra chất lượng lượng sản phẩm từ khâu mua vật tư đến khâu nhập kho thành phẩm; đảm bảo hàng hoá, sản phẩm, nguyên vật liệu đáp ứng đủ chất lượng; trên cơ sở đó cấp giấy chứng nhận chất lượng cho sản phẩm khi xuất xưởng.

### **Kho thành phẩm**

Lưu giữ và bảo quản thành phẩm.

### **Kho vật tư**

Lưu giữ và bảo quản nguyên vật liệu.

### **Phân xưởng sản xuất**

Thực hiện sản xuất theo kế hoạch các loại sản phẩm.

### **Phòng kế toán**

Các công việc liên quan đến kế toán; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng

### **Phòng thống kê**

Thống kê số liệu để cung cấp dữ liệu cho Phòng kế hoạch lập kế hoạch.



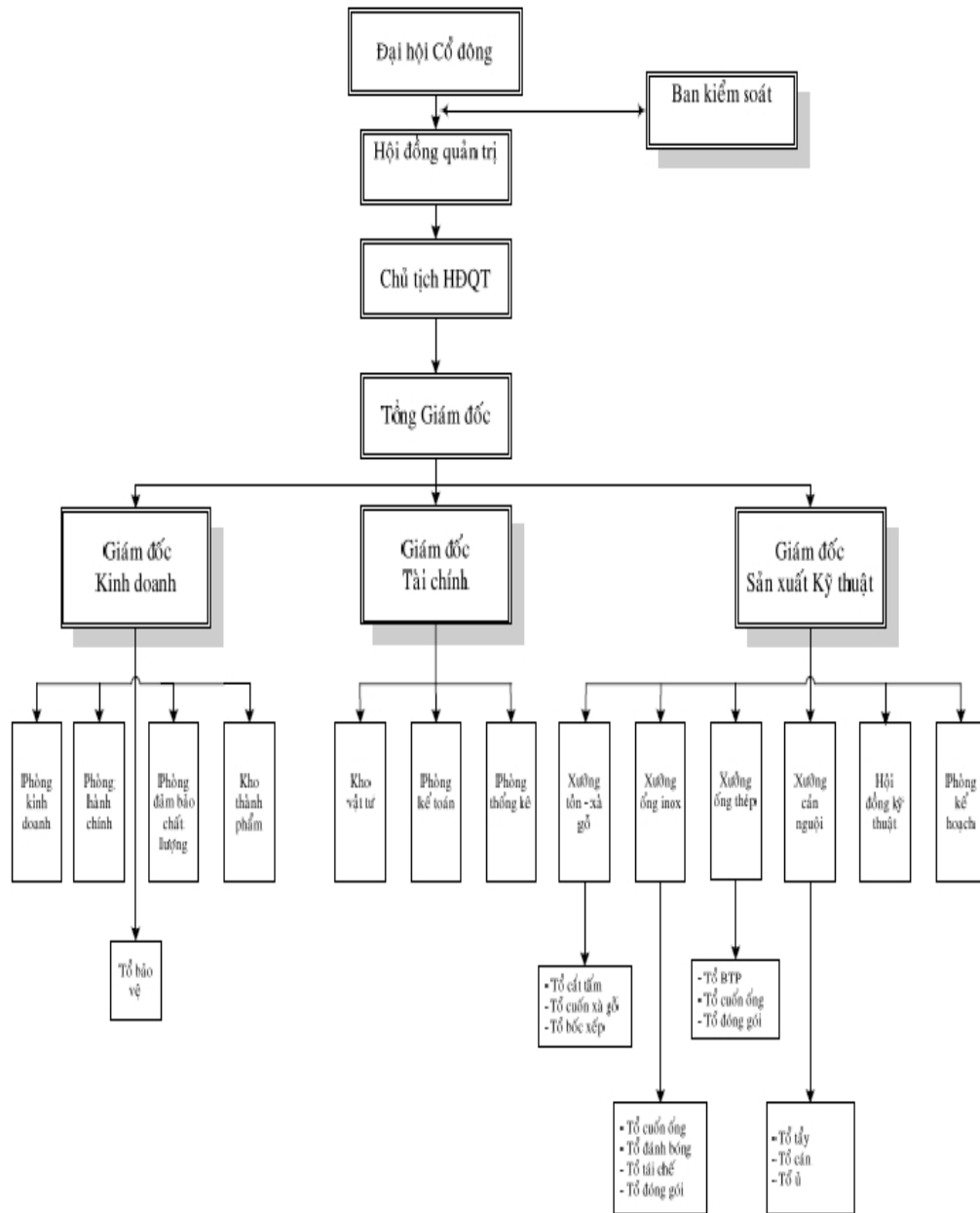


### **Phòng kế hoạch**

Lập kế hoạch sản xuất và bổ sung những đơn hàng mới; theo dõi tình hình nguyên liệu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tình hình thực tế; theo dõi và xúc tiến công tác bảo trì, sửa chữa tại đơn vị phụ trách; giải quyết các sự cố trong đơn vị; hướng dẫn thực hiện quy trình sản xuất để đảm bảo chế độ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; hướng dẫn công việc, thủ tục và kế hoạch kiểm soát chất lượng.

### **Hội đồng kỹ thuật**

Giám sát tình hình thực hiện công tác bảo trì tại các phân xưởng sản xuất, tổ sửa chữa; Điều phối và giám sát công tác sửa chữa; tổng hợp kế hoạch sửa chữa lớn, lắp đặt và nghiệm thu thiết bị trước khi đưa vào sản xuất; quản lý công tác bảo trì sửa chữa do bên ngoài thực hiện; lập kế hoạch bảo trì máy móc đúng định kỳ; lưu trữ các tài liệu kỹ thuật của Công ty; bảo quản các dụng cụ, thiết bị được giao.





## **2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của ban giám đốc**

<b>STT</b>	<b>HỌ TÊN</b>	<b>CHỨC VỤ</b>
1	Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám Đốc
2	Trần Tuấn Minh	Giám Đốc Kỹ Thuật
3	Bùi Quang Hiệp	Giám Đốc Kinh Doanh
4	Phan Văn Dũng	Giám Đốc Tài Chính

### **Ông Trần Tuấn Nghiệp : Tổng Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 28/10/1979

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023097413, ngày cấp: 07/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 00 62 – (08) 3877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA – Mỹ)

Quá trình công tác

+ Từ 2002 - 2007: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Hữu Liên

### **Ông Trần Tuấn Minh : Giám Đốc Kỹ Thuật**

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh CMND: 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 00 62 – (08)3877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 2003 đến 2007: Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu



+ Từ 2007 đến nay: Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu  
Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên

**Ông Bùi Quang Hiệp : Giám Đốc Kinh Doanh**

Ngày tháng năm sinh: 18/11/1966

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

CMND: 022020288, cấp ngày 5/10/1999, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 2325B Hồng Lạc, P.10, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ Từ 1990 đến 1991: Kế toán tổng hợp Hợp Tác Xã Tín Dụng Bà Quẹo

+ Từ 1992 đến 1995: Kế toán Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên

+ Từ 1996 đến nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM-DV Nghiệp Quyền

+ Từ 2001 đến 2/2007: Phó giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2/2007 đến nay :Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 4/2007 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

**Ông Phan Văn Dũng : Giám Đốc Tài Chính**

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1965

Nơi sinh: Bến Tre

CMND: 021630403, cấp ngày 25/12/2003, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 442/300B Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 00 62 – (08) 3877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ Từ 1988 – 1992: Kế toán trưởng Xí Nghiệp Vận Tải Quận 10

+ Từ 1993 - 2001: Kế toán trưởng Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe gắn máy và xích băng tải, phụ tùng xe đạp, xe honda)

+ Từ 2001 - 2002: Kế toán trưởng Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2003 - 2006: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Phó Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu



+ Từ 2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu  
Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu

### 3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động

- **Số lượng lao động**

Tính đến 31/12/2008, số lượng người lao động trong Công ty là 509 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng: Cơ cấu lao động*

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm		
	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
- Nam	365	406	442
- Nữ	64	64	67
Phân theo trình độ chuyên môn	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
- Đại hội	25	30	28
- Cao đẳng, Trung cấp	69	77	57
- Sơ cấp và nhân công kỹ thuật	335	363	424

- **Chính sách với người lao động**

- **Chính sách đào tạo**

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.

Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.



Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.

Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.

Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...

Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật...

○ **Chế độ nghỉ phép, lễ, tết**

Công ty thực hiện theo luật định.

○ **Bảo hiểm và phúc lợi**

Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

○ **Tổ chức công đoàn**

Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

## **IV. Thông tin cổ đông và quản trị công ty**

### **1. Thông tin về hội đồng quản trị và ban kiểm soát**

#### **a. Hội Đồng Quản Trị**

Hội đồng quản trị của Hữu Liên Á Châu hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 3 uỷ viên.



STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Xảo Cơ	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Tuấn Nghiệp	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Đoàn Minh Tiến	Thành viên HĐQT
4	Bùi Quang Hiệp	Thành viên HĐQT
5	Phan Văn Dũng	Thành viên HĐQT

### **Ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 14/11/1948
- \_ Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- \_ CMND: 021616925, ngày cấp 7/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Hoa
- \_ Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- \_ Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93
- \_ Trình độ văn hóa: 9/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Có trên 20 năm kinh nghiệm làm trong ngành sản xuất sản phẩm sắt thép
- \_ Quá trình công tác :
  - + Từ 1978 – 1981: Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
  - + Từ 1981 – 1989: Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
  - + Từ 1989 – 1991: Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
  - + Từ 1991 – 1996: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích băng tải và kinh doanh sắt thép)
  - + Từ 1996 – 2001: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shih Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam
  - + Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - + Từ 01/2005 – 10/2005: Tổng Giám Đốc Công ty CP Thép Nam Kim
  - + Từ 12/2007 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Nam Kim
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Hữu Liên Á Châu
- Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): 5.000.000 cổ phần, chiếm 26,32 % vốn điều lệ .
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ



- + Cá nhân sở hữu: 5.000.000 cổ phần, chiếm 26,32% vốn điều lệ
- \_ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**Ông Trần Tuấn Nghiệp – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 28/10/1979
- \_ Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- \_ CMND: 023097413, ngày cấp: 07/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Hoa
- \_ Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- \_ Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93
- \_ Trình độ văn hóa: 12/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA – Mỹ)
- \_ Quá trình công tác
  - + Từ 2002 – 2007 : Giám đốc Điều hành Công ty CP Hữu Liên Á Châu - Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - + Từ 2007 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Hữu Liên
  - + Từ 11/2005 – 12/2008: Tổng Giám Đốc Công ty CP Thép Nam Kim

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Tổng Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Minh Hữu Liên

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): 1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 1.000.000 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**Ông Đoàn Minh Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 25/08/1974
- \_ Nơi sinh: Tuyên Quang
- \_ CMND: 012651684, cấp ngày 14/02/2008, nơi cấp: CA Hà Nội
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Kinh





- \_ Quê quán: Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang
- \_ Địa chỉ thường trú: P 207, Ngõ 713, Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (04) 220 66 60 Ext: 139
- \_ Trình độ văn hóa: 12/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính-Ngân hàng
- \_ Quá trình công tác
  - + Từ 1996 đến 2001: Chuyên viên Tín dụng Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phụ trách tín dụng khu vực Đông Nam Bộ
  - + Từ 2001 đến 2004: Phó phòng phân tích và tư vấn đầu tư Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
  - + Từ 2004 đến Tháng 2/2007: Trưởng phòng chính sách tín dụng thuộc Ban quản lý Tín dụng Ngân Hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam
  - + Từ 3/2007 đến nay: Phó tổng giám đốc Cty CP Đầu tư tài chính BIDV (BFC)
  - + Từ 4/2008 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:  
Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó tổng giám đốc Cty CP Đầu tư tài chính BIDV (BFC)
- Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): Không
- + Đại diện sở hữu: Không
- + Cá nhân sở hữu: Không
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

#### **Ông Bùi Quang Hiệp – Thành viên Hội đồng quản trị**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 18/11/1966
- \_ Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- \_ CMND: 022020288, cấp ngày 5/10/1999, nơi cấp: CA TP.HCM
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Kinh
- \_ Quê quán: Thái Bình
- \_ Địa chỉ thường trú: 2325B Hồng Lạc, P.10, Q.Tân Bình, TP.HCM
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93
- \_ Trình độ văn hóa: 12/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- \_ Quá trình công tác
  - + Từ 1990 đến 1991: Kế toán tổng hợp Hợp Tác Xã Tín Dụng Bà Quẹo
  - + Từ 1992 đến 1995: Kế toán Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên



- + Từ 1996 đến nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM-DV Nghiệp Quyền
- + Từ 2001 đến 2/2007: Phó giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- + Từ 2/2007 đến nay : Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- + Từ 4/2007 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- \_ Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- \_ Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - + Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

#### **Ông Phan Văn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 03/02/1965
- \_ Nơi sinh: Bến Tre
- \_ CMND: 021630403, cấp ngày 25/12/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Kinh
- \_ Quê quán: Bến Tre
- \_ Địa chỉ thường trú: 442/300B Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TP.HCM
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93
- \_ Trình độ văn hóa: 12/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- \_ Quá trình công tác
  - + Từ 1988 – 1992: Kế toán trưởng Xí Nghiệp Vận Tải Quận 10
  - + Từ 1993 - 2001: Kế toán trưởng Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe gắn máy và xích băng tải, phụ tùng xe đạp, xe honda)
  - + Từ 2001 - 2002: Kế toán trưởng Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - + Từ 2003 - 2006: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
    - Phó Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - + Từ 2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
    - Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết:
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Hữu Liên Á Châu
  - Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,53% vốn điều lệ
- \_ Cam kết nắm giữ 100% số cổ phần đang nắm giữ trong vòng 06 tháng đầu tiên kể từ ngày niêm yết, 50% trong 06 tháng tiếp theo.
- \_ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Các thành viên Hội đồng quản trị được trả thù lao hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **b. Ban Kiểm Soát**

Ban kiểm soát của Hữu Liên Á Châu hiện có 3 thành viên, gồm 1 trưởng ban và 2 thành viên.

##### **Khưu Kim Hòa - Trưởng Ban kiểm soát**

- \_ Ngày tháng năm sinh: 16/12/1948
- \_ Nơi sinh: TP.HCM
- \_ CMND: 020869759, cấp ngày 26/04/1997, nơi cấp: CA TP.HCM
- \_ Quốc tịch: Việt Nam
- \_ Dân tộc: Hoa
- \_ Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- \_ Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7, phường Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM
- \_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3788 00 62 – (08) 3788 11 93
- \_ Trình độ văn hóa: 12/12
- \_ Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán và cơ khí
- \_ Quá trình công tác
  - + Từ 1980 – 1985 : Kế toán Tổ Hợp Vĩnh Hợp (sản xuất nam hoa (cắm) xe đạp)
  - + Từ 1985 – 1992 : Tổ trưởng Tổ Hợp Nhật Tảo (sản xuất gia công hộp thiết cho xí nghiệp Dược Phẩm Quận 11)
  - + Từ 1992 – 1995 : Kế toán công ty TNHH Tam Hòa (kinh doanh thương mại sắt thép)
  - + Từ 1995 – 1997 : Quản đốc xưởng ống thép Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
  - + Từ 1997 – 2003 : Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
  - + Từ 2003 – 2005 : Phó giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu



+ Từ 2005 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu  
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 30/08/2008): 120.000 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 120.000 cổ phần, chiếm 0,63% vốn điều lệ

\_ Hành vi vi phạm pháp luật: Không

\_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

\_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

\_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### **Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên Ban kiểm soát**

\_ Ngày tháng năm sinh: 20/04/1957

\_ Nơi sinh: TP. Đà Nẵng

\_ CMND: 020387510, cấp ngày 04/07/2006, nơi cấp: CA.TPHCM

\_ Quốc tịch: Việt Nam

\_ Dân tộc: Kinh

\_ Quê quán: Thái Bình

\_ Địa chỉ thường trú: 62/10 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

\_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (0650) 74 88 48

\_ Trình độ văn hóa: 12/12

\_ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

\_ Quá trình công tác

+ Từ 1975 đến 1977: Công tác Đoàn Trường Thạnh Mỹ Tây, Phường 16, Quận Bình Thạnh

+ Từ 1977 đến 1979: Nhân viên Sở Công Nghiệp TP. HCM

+ Từ 1979 đến 1983: Thực hiện Nghĩa vụ quân sự

+ Từ 1983 đến 1986: Cán bộ KHVT Xí nghiệp Liên hợp Mô tô Xe đạp, TP.HCM

+ Từ 1986 đến 1994: Phó phòng KHSX Xí nghiệp Liên hợp Mô tô Xe đạp, TP. HCM

+ Từ 1994 đến 2002: Trưởng phòng KHSXKD Công ty Xe & Máy, TP.HCM

+ Từ 2002 đến 2004: Chuyên viên Cty XNK Vật tư Kỹ thuật (REXCO), TP.HCM

+ Từ 2004 đến nay: Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Thép Nam Kim

+ Từ 4/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu



Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác :

Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Thép Nam Kim

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): Không

+ Đại diện sở hữu: Không

+ Cá nhân sở hữu: Không

\_ Hành vi vi phạm pháp luật: Không

\_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

\_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

\_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### **Ông Lê Anh Hải – Thành viên Ban kiểm soát**

\_ Ngày tháng năm sinh: 16/03/1973

\_ Nơi sinh: Hà Sơn Bình

\_ CMND : 361434136, cấp ngày 03/03/2006, nơi cấp: CA TP.Cần Thơ

\_ Quốc tịch: Việt Nam

\_ Dân tộc: Kinh

\_ Quê quán: Hà Sơn Bình

\_ Địa chỉ thường trú: 963 Hậu Giang, Chung cư Bình Phú, Lầu 6, Nhà D064, F.11, Q.6 TP.HCM

\_ Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3977 07 55

\_ Trình độ văn hóa: 12/12

\_ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

\_ Quá trình công tác

+ Từ 1995 – 2000: Điều hành thương mại Cty Liên doanh Sơn Cao Cấp APC

+ Từ 2000 - 2004: Giám đốc bán hàng khu vực Cty SC. Johnson & Son Việt Nam.

+ Từ 2004 - 2006: Giám đốc bán hàng vùng Cty Colgate Palmolive Việt Nam

+ Từ 2006 – 05/2007: Giám đốc bán hàng TP.HCM Cty GlaxoSmithKline.

+ Từ 6/2007 – 9/2007: Trưởng Phòng nghiên cứu phát triển thị trường Cty CP

Hữu Liên Á Châu

+ Từ 9/2007 đến nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 31/12/2008): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ



- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- \_ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- \_ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- \_ Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- \_ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Các thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



## V. Báo cáo của HĐQT & BGD

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008:

Chỉ Tiêu	Kế Hoạch	Thực Hiện	Tỷ lệ hoàn thành
I. Tổng sản lượng :	96.500 tấn	121.800 tấn	126%
II. Tổng doanh thu	1.174,00 tỷ	1.823,00 tỷ	155%
III. Lợi nhuận sau thuế	51,84 tỷ	-19,30 tỷ	
IV. Chia cổ tức	15%		
V. Nộp ngân sách ( Thuế TNDN )	19,00 tỷ		
VI. Thu nhập bình quân người/ tháng	3 triệu	3,3 triệu	110%

- Năm 2008 đã khép lại cùng với nhiều biến động khôn lường của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính xuất phát từ Mỹ, đã lan rộng ra khắp thế giới...và nền kinh tế Việt Nam cũng không tránh khỏi được sự ảnh hưởng này.
- Năm 2008 là một năm trải qua nhiều khó khăn như :
  1. Sự biến động mạnh mẽ của tỷ giá hối đoái giữa đồng USD và VND,
  2. Lãi vay ngân hàng mức đỉnh điểm lên tới 22%,
  3. Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng liên tục trong 3 quý đầu năm 2008, có lúc lên đến 25%,
  4. Giá xăng dầu của VN cùng chung xu hướng tăng nhanh theo giá xăng dầu của thế giới
  5. Tất cả các loại nguyên liệu đầu vào đều cùng nhau tăng giá .



Các điều kiện kinh tế khách quan này đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau và hoạt động kinh doanh của Cty CP HLAC cũng bị ảnh hưởng không nhỏ....

**Đặc biệt là trong quý 4, sự giảm giá đột ngột của ngành thép thế giới và trong nước, giá giảm hơn 50% so với thời kỳ đỉnh điểm trong năm, dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty toàn năm 2008 lỗ 19.3 tỷ đồng do phải dự phòng giảm giá giá trị hàng hoá và thành phẩm tồn kho lên đến 85,8 tỷ đồng.**

**Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2008, thị trường thép tăng trưởng rất tốt, nhưng mức tăng trưởng chủ yếu là do những nguyên nhân chính sau đây :**

1. Do đặc thù ngành hàng của công ty, nguyên liệu chính của công ty phải nhập khẩu 100% & và giá cả chịu ảnh hưởng lớn từ biến động giá của thị trường Trung Quốc . Đầu năm 2008, Trung Quốc đã đưa ra những chính sách nhằm hạn chế xuất khẩu, chính vì thế nguồn cung về thép đã giảm làm cho giá cả tăng liên tục trong khoảng thời gian này ( vì Trung Quốc là nước xuất khẩu thép lớn nhất thế giới : chiếm hơn 35% sản lượng XK trên toàn thế giới ).
2. Nhu cầu thép của thị trường Việt Nam cũng tăng đột biến trong giai đoạn này, một phần là do các công trình lớn đã khởi công xây dựng ( từ giữa năm 2007 ) đang trong giai đoạn hoàn thành, một phần là do các chủ đầu tư và các chủ thầu lo sợ thép sẽ tiếp tục tăng giá vượt khỏi mức dự toán nên chuẩn bị thu mua trước thời gian thi công. Bên cạnh đó các công ty thương mại cũng tranh thủ đầu cơ thép với hy vọng kiếm lời khi thép tiếp tục tăng giá....và chính vì điều này đã làm cho cầu vượt quá cung.
3. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2008, tất cả các nguyên liệu đầu vào của ngành thép liên tục tăng cao như : quặng sắt, than cốc, thép phế liệu ....giá xăng dầu. Bên cạnh đó là sự bất ổn của tỷ giá hối đoái, lãi vay ngân hàng, tất cả những yếu tố này đã tác động trực tiếp làm cho giá thép tăng cao...

Trước tình hình nền kinh tế diễn biến phức tạp, HĐQT & BGD đã chỉ đạo cho toàn thể các phòng ban phải phối hợp chặt chẽ, đề ra những giải pháp linh hoạt và theo sát với diễn biến của thị trường nhằm hoàn thành được 70% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008. Với sự nỗ lực, đoàn kết và sự quyết tâm cao độ của toàn thể cán bộ công nhân viên của Cty CP HLAC, kết quả sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm đã đạt được mục tiêu của HĐQT & BGD đề ra : doanh số đạt 893 tỷ, hoàn thành 76% kế hoạch cả năm 2008; lợi nhuận đạt 27,9 tỷ , hoàn thành 54% kế hoạch cả năm 2008.





### **Trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2008,**

- Kinh tế thế giới đã chìm sâu trong khủng hoảng và suy thoái,
- Kinh tế trong nước phát triển chậm lại,
- Xuất khẩu và tiêu dùng suy giảm, sản xuất đình đốn,
- Bất động sản đóng băng...

Cũng trong giai đoạn này giá thép của thế giới và Việt Nam đảo chiều & đặc biệt trong quý IV, giá giảm trên 50%...

Bên cạnh đó, hàng loạt các dự án đầu tư xây dựng bị đình trệ do khó khăn về nguồn vốn, các nhà đầu cơ, nhà sản xuất cố gắng giảm giá, tranh giành nhau bán nhằm tăng sức mua của khách hàng & người tiêu dùng. Những diễn biến trái chiều nói trên của nền kinh tế nói chung cũng như ngành công nghiệp nói riêng đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và doanh thu của hầu hết các doanh nghiệp và Cty CP HLAC cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng chung đó.

Do đã dự báo được trước tình hình, đặc biệt quý 3 là quý có nhu cầu thấp điểm nhất trong năm, HĐQT & BGD đã chỉ đạo phải tăng cường các chính sách hỗ trợ bán hàng đến các đại lý, khách hàng nhằm tiêu thụ hàng nhanh nhất và trong thời gian ngắn nhất để cố gắng giảm thiệt hại cho công ty trong giai đoạn tồn kho với giá cao, nhưng bán ra với giá thấp...

Căn cứ vào kế hoạch điều chỉnh của HĐQT & BGD:

- Nếu 6 tháng cuối năm công ty bán được ít nhất : 800 tỷ, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào thời điểm cuối tháng 12 năm 2008 là: 19 tỷ đồng, thì công ty sẽ đạt được lợi nhuận trước thuế năm 2008 là : 32 tỷ đồng.

Toàn thể ban lãnh đạo & các cán bộ công nhân viên đã phản ứng linh hoạt với những biến động của sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng và chính xác, nhanh chóng theo các chiến lược kinh doanh đã được đề ra, đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ, giá trị gia tăng cho khách hàng, cũng như mở rộng mạng lưới phân phối....vượt qua những khó khăn của toàn nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng,

Cty CP HLAC đã đạt kết quả kinh doanh ấn tượng như sau : Doanh Thu : 1,823 tỷ , Lợi nhuận trước thuế : 35,6 tỷ đồng ( trong đó đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là : 22,4 tỷ đồng ). Nhưng do thời điểm xác định giá trị thị trường của hàng tồn kho để tính dự phòng giảm giá giữa Cty CP HLAC & công ty kiểm toán là khác nhau. Nên trong báo cáo tài chính đã kiểm toán với sự tư vấn của công ty kiểm toán Ernst & Young, dự phòng giảm giá hàng tồn kho



được xác định là : 85,8 tỷ đồng dẫn tới lợi nhuận trước thuế của công ty toàn năm 2008 âm 19,3 tỷ đồng.

Căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, tôi xin báo cáo việc triển khai và thực hiện theo nghị quyết của đại hội như sau :

1. Hoàn thành việc thành lập Cty CP Đầu Tư Hữu Liên vào tháng 07/2008.
2. **Kế hoạch di dời nhà máy** : Cty đã tiến hành khảo sát và ký hợp đồng ghi nhớ thuê 11 ha đất tại khu công nghiệp An Thạnh, tỉnh Long An để chuẩn bị cho kế hoạch di dời và phát triển nhà máy.
3. **Kế hoạch xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu** : công ty đã có văn bản chấp thuận và đang trong giai đoạn thoả thuận xin các chỉ tiêu thiết kế cho khu phức hợp này.
4. **Kế hoạch phát triển sản xuất** : Hoàn thành lắp đặt 4 dây chuyền sản xuất ống thép công nghệ cao và đã đưa vào vận hành vào tháng 07/2008. Đồng thời cũng hoàn thành việc lắp đặt 3 cặp lò ủ, chính thức đưa vào vận hành trong tháng 07/2008.
5. **Kế hoạch phát triển sản phẩm mới** : Năm 2008 Cty đã nghiên cứu thành công và đưa ra thị trường sản phẩm mới : ống thép mạ kẽm và đã được thị trường chấp nhận, đặc biệt là thị trường Miền Trung & Campuchia.
6. **Kế hoạch tăng vốn điều lệ** : Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 140 tỷ đồng lên 190 tỷ đồng.
7. **Kế hoạch sửa đổi điều lệ Công ty** : Hoàn thành việc sửa đổi và bổ sung một số điều lệ của công ty
8. Hoàn thành việc bổ sung chức năng kinh doanh của Cty CP HLAC “kinh doanh bất động sản” vào ngành nghề kinh doanh của công ty.
9. **Kế hoạch niêm yết cổ phiếu** : Công ty đã hoàn thành thủ tục và đưa cổ phiếu HLAC ( mã : HLA ) niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP.HCM này 23-10-2008 và chính thức giao dịch ngày 30-10-2008.

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY CON :**

1. Cty CP Minh Hữu Liên : thành lập tháng 09-2007
  - Vốn điều lệ ( đầu năm ) : 6,500,000,000 đồng.
  - Tăng vốn trong năm : 3,500,000,000 đồng.
  - Vốn điều lệ ( cuối năm ) : 10,000,000,000 đồng.
  - Vốn điều lệ ( bình quân năm ) : 7,500,000,000 đồng.
  - Doanh số : 35,525,954,693 đồng.
  - Lợi nhuận : 1,345,328,354 đồng.
  - Lãi cơ bản / cổ phiếu : 2,153 đồng.



2. Cty CP Đầu Tư Hữu Liên : thành lập tháng 07-2008

- Vốn điều lệ ( đầu năm )	: 30,000,000,000 đồng.
- Doanh số	: 720,909,091 đồng.
- Lợi nhuận	: 45,181,685 đồng.
- Lãi cơ bản / cổ phiếu	: 15 đồng.

**2. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh năm 2009**

Năm 2009 được dự báo sẽ có nhiều khó khăn và thách thức do giá và nhu cầu thép trên thế giới tiếp tục ở mức thấp và bức tranh tổng thể kinh tế toàn cầu ảm đạm.

Tuy nhiên tiêu thụ tại các thị trường đang phát triển vẫn cao, trong đó đứng đầu là Trung Quốc tăng khoảng 5% hoặc cao hơn .

Nguồn cung thép trên thị trường thế giới trong những năm tới sẽ tiếp tục ở mức thấp do triển vọng về giá và nhu cầu không sáng sủa. Các chuyên gia nhận định sản lượng trong năm của thị trường thế giới sẽ giảm khoảng từ 15% - 20%.

Riêng thị trường thép Việt Nam, Bộ Công Thương dự báo năm 2009 nhu cầu thép các loại vào khoảng 11-12 triệu tấn.

Như vậy, nếu tính chung cả thép xây dựng, ống thép hàn, thép lá mạ và cuộn cán nóng cán nguội ngành thép đang cố gắng phấn đấu đạt mức tăng trưởng từ 5% - 7%.

Tuy nhiên, chúng tôi rất tin tưởng vào hai gói kích cầu của chính phủ : gói thứ nhất là 1 tỷ USD và gói thứ 2 là 6 tỷ USD, các gói kích cầu này được chính phủ tập trung cho các dự án cơ sở hạ tầng, nhà ở xã hội, hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu... Và đặc biệt là hỗ trợ tập trung vào khu vực nông thôn ( chiếm khoảng 70% dân số trên cả nước ) như : cho vay xây nhà, sửa chữa nhà và tiêu dùng.....

Bên cạnh đó, những nhân tố hỗ trợ tích cực cho lĩnh vực xây dựng và bất động sản sôi động trở lại như : lãi suất cho vay thấp, giá thép và các loại vật liệu xây dựng khác đang ở mức thấp so với thời điểm năm 2008. Trên cơ sở đánh giá tình hình như trên, HĐQT và BGD đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm 2009 như sau :



Chỉ Tiêu	Kế Hoạch	Tăng trưởng
<b>I. Tổng sản lượng :</b>	<b>155.700,00 tấn</b>	<b>28%</b>
<b>II. Tổng doanh thu</b>	<b>1.823,00 tỷ</b>	<b>0%</b>
<b>III. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>70,90 tỷ</b>	
<b>IV. Chia cổ tức (15%)</b>	<b>28,50 tỷ</b>	
<b>V. Nộp ngân sách</b>	<b>23,63 tỷ</b>	
<b>VI. Thu nhập bình quân người/ tháng</b>	<b>3,3 triệu</b>	
<b>VII. Kế hoạch phân phối lợi nhuận :</b>		
• <b>Quĩ khen thưởng</b>	<b>2,83 tỷ</b>	
• <b>Quĩ phúc lợi</b>	<b>1,41 tỷ</b>	
• <b>Bù đắp khoản lỗ cho năm     2008</b>	<b>19,35 tỷ</b>	
• <b>Bù đắp khoản lãi đã chi     trong năm 2008</b>	<b>13,30 tỷ</b>	
• <b>Thuống đạt và vượt kế     hoạch năm 2009 cho HĐQT     và BKS</b>	<b>1,41 tỷ</b>	

1. Tiếp tục kế hoạch di dời nhà máy và xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu với các hạng mục như sau :
  - i. Hoàn thành việc chọn lựa địa điểm di dời nhà máy trong năm 2009.
  - ii. Hoàn thành công tác xin chỉ tiêu xây dựng cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu và tiến hành công tác thiết kế chi tiết. Hoàn chỉnh hồ sơ kêu gọi đầu tư cho khu phức hợp.
2. Đầu tư và nâng cấp 6 dây chuyền sản xuất ống inox nhằm nâng sản lượng từ 450 tấn lên 700 tấn/tháng.
3. Đầu tư thêm 2 dây chuyền cán nguội nhằm nâng công suất dây chuyền cán, ủ từ 3,000 tấn lên 4,500 tấn / tháng.
4. Công ty CP Minh Hữu Liên sẽ làm thủ tục xin niên yết trên Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
5. Tập trung xây dựng hệ thống đánh giá, đo lường “sức khỏe của hệ thống phân phối” để có những chính sách đối phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của thị trường.



6. Tiếp tục tăng cường củng cố thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường Mỹ. Bên cạnh đó sẽ khảo sát thị trường Lào & lập kế hoạch thâm nhập sản phẩm ống thép vào thị trường Lào.
7. Tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu về mặt hàng ống thép đen, tập trung tăng trưởng mạnh mẽ về ngành hàng ống inox & thép tấm, thép cuộn.
8. Xây dựng và củng cố vững chắc sự nhận biết của người tiêu dùng về thương hiệu Hữu Liên Á Châu, song hành cùng khẩu hiệu “Chất Lượng Thép , Uy Tín Vàng “ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng & tập chung chủ yếu vào các kênh quảng cáo như sau :
  - i. Quảng cáo trên TV.
  - ii. Quảng cáo trên báo chí.
  - iii. Quảng cáo ngoài trời và tài trợ cho đội tuyển bóng đá Việt Nam.
9. Tăng cường công tác quản lý , giám sát hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000 và hệ thống 5S trong công tác sản xuất. Đồng thời tuyên truyền & nâng cao ý thức tích kiệm chi phí cho toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty CP HLAC.
10. Tăng cường sự chỉ đạo tập chung thống nhất, kiện toàn lại bộ máy điều hành và quản lý, đồng thời tổ chức cho cán bộ công nhân viên theo các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có điều kiện.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đánh giá & quản lý thành tích của CBCNV ( PMP : Performance Management Process), thực hiện chính sách thu hút nhân tài, đưa ra quy chế tuyển dụng đãi ngộ hợp lý. Thực hiện các qui chế khen thưởng, kỷ luật nghiêm túc với tất cả mọi đối tượng trong công ty.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**

Báo cáo của Hội Đồng quản trị

và

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2008

# Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35



# Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 1)	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 2)	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 3)	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 4)	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 5)	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 6)	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 7)	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 8)	Ngày 4 tháng 1 năm 2008

Công ty có hai công ty con bao gồm Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên và công ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên (“các công ty con”), trong đó Công ty nắm giữ 61% và 66.67% tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng.

Nhóm Công ty thông qua công ty mẹ và các công ty con có hoạt động chính là:

- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép, hàng trang trí nội thất;
- Đại lý ký gửi hàng hóa; và
- Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại KE A2/7, Tân Kiên- Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm	(19.898.246)	30.187.679
Cổ tức đã công bố và chi trả trong năm	31.486.390	-
(Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(38.599.733)	22.097.049

### CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SDGHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

# Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên	
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên	
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn về giảm và giãn thuế TNDN, Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên được giảm 30% thuế TNDN phải trả cho quý IV năm 2008 và cho năm 2009. Ưu đãi về thuế này đã được áp dụng trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp trình bày trong Thuyết minh số 25.

Ngoại trừ sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- 4 lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- 4 thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- 4 nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- 4 lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

# Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị

---

Trần Xảo Cơ  
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 35 (sau đây gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác. Báo cáo kiểm toán đề ngày 15 tháng 2 năm 2008 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về những báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

### ***Cơ sở ý kiến kiểm toán***

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### ***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

---

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

---

Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám Đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký. N.1073/KTV

---

Đặng Hồng Tân  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký. 0489/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 28)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>714.607.082</b>	<b>476.458.088</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>21.568.500</b>	<b>31.413.816</b>
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>19.185.705</b>	<b>3.126.385</b>
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	19.185.705	3.126.385
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>311.891.002</b>	<b>182.012.870</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	285.852.854	151.156.347
132	2. Trả trước cho người bán		25.242.004	3.467.418
135	3. Các khoản phải thu khác		844.611	27.389.105
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(48.467)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>319.588.246</b>	<b>241.735.991</b>
141	1. Hàng tồn kho		405.407.171	241.735.991
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(85.818.925)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>42.373.629</b>	<b>18.169.026</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		463.908	532.964
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		24.943.439	16.849.099
154	3. Thuế phải thu Nhà nước	8	5.030.731	8.192
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	11.935.551	778.771
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>246.917.276</b>	<b>223.881.444</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>228.013.717</b>	<b>205.781.638</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	108.760.301	114.043.281
222	Nguyên giá		168.974.084	156.278.354
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.213.783)	(42.235.073)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	19.428.965	5.924.399
225	Nguyên giá		21.143.503	6.120.263
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.714.538)	(195.864)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	74.416.589	48.177.846
228	Nguyên giá		77.010.525	49.229.472
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.593.936)	(1.051.626)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	25.407.862	37.636.112
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.903.559</b>	<b>18.099.806</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.147.964	5.548.426
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	3.923.854	3.840.788
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.831.741	8.710.592
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>961.524.358</b>	<b>700.339.532</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 28)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>713.772.224</b>	<b>428.163.516</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>683.402.707</b>	<b>395.540.003</b>
311	1. Vay ngắn hạn	14	555.545.753	275.336.209
312	2. Phải trả người bán	15	120.768.327	102.150.524
313	3. Người mua trả tiền trước		1.851.417	4.830.584
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	16	1.634.352	7.800.940
315	5. Phải trả người lao động		247.109	6.996
316	6. Chi phí phải trả		111.000	-
319	7. Các khoản phải trả khác	17	3.244.749	5.414.750
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>30.369.517</b>	<b>32.623.513</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	18.1	7.404.235	1.438.420
334	2. Vay và nợ dài hạn	18.2	18.648.894	27.971.712
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.316.388	3.213.381
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>233.231.706</b>	<b>269.600.523</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>233.219.621</b>	<b>269.597.049</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		190.000.000	183.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.000.000	64.500.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.446.177	-
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		3.373.177	-
420	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối		(38.599.733)	22.097.049
<b>430</b>	<b>II. Quỹ khác</b>		<b>12.085</b>	<b>3.474</b>
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		12.085	3.474
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>14.520.428</b>	<b>2.575.493</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>961.524.358</b>	<b>700.339.532</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	178.502	15.307
- Euro (EUR)	250	-

Kế toán trưởng  
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc  
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1, 27	1.843.211.784	1.032.414.293
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(568.681)	(448.470)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.842.643.103	1.031.965.823
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.720.219.902)	(932.099.156)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.423.201	99.866.667
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	7.018.361	1.940.202
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	(99.151.925) (79.321.580)	(32.451.213) (27.138.571)
24	8. Chi phí bán hàng		(9.620.370)	(6.009.576)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(43.839.235)	(18.937.800)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(23.169.968)	44.408.280
31	11. Thu nhập khác	23	10.211.782	4.647.717
32	12. Chi phí khác	23	(4.970.775)	(3.426.590)
40	13. Lợi nhuận khác		5.241.007	1.221.127
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(17.928.961)	45.629.407
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(1.507.416)	(14.246.235)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.3	83.066	(1.120.000)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(19.353.311)	30.263.172
	<i>Phân bổ cho:</i>			
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		544.935	75.493
	17.2 Cổ đông của công ty mẹ	27	(19.898.246)	30.187.679
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	20	(1.048)	2.000

Kế toán trưởng  
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc  
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 28)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận trước thuế</b>		(17.928.961)	45.629.407
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ		24.660.644	13.338.945
03	Các khoản dự phòng		87.081.397	532.128
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		5.844.319	161.297
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.746.503)	156.894
06	Chi phí lãi vay	22	79.321.580	27.138.571
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>176.232.476</b>	<b>86.957.242</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(154.404.473)	(70.996.055)
10	Tăng hàng tồn kho		(163.671.180)	(99.569.397)
11	Tăng các khoản phải trả		28.603.736	39.546.922
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(530.482)	854.381
13	Tiền lãi vay đã trả		(79.321.580)	(27.138.571)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(11.184.422)	(6.458.195)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19.1	(2.484.181)	(144.075)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		<b>(206.760.106)</b>	<b>(76.947.748)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(36.836.694)	(60.534.339)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	23	9.590.776	3.536.164
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.059.320)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.075.543	23.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		-	174.935
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(39.229.695)</b>	<b>(33.823.240)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

0Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã điều chỉnh lại - Thuyết minh số 28)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		17.500.000	110.000.000
33	Tiền vay đã nhận		1.431.288.937	782.014.750
34	Tiền vay đã trả		(1.176.512.864)	(766.485.416)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(4.645.198)	(2.885.799)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(31.486.390)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>236.144.485</b>	<b>122.643.535</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(9.845.316)</b>	<b>11.872.547</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>31.413.816</b>	<b>19.541.269</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>21.568.500</b>	<b>31.413.816</b>

Kế toán trưởng  
Phan Văn Thơm

Tổng Giám đốc  
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Điều chỉnh\_sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 1)	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 2)	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 3)	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 4)	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 5)	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 6)	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 7)	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Số 4103000385 (Điều chỉnh lần 8)	Ngày 4 tháng 1 năm 2008

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có hai công ty con bao gồm Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên (“các Công ty con”), trong đó Công ty nắm giữ 61% và 66.67% tỷ lệ quyền sở hữu

Nhóm công ty thông qua công ty mẹ và các công ty con có hoạt động chính là:

- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất – xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép, hàng trang trí nội thất;
- Đại lý ký gửi hàng hóa; và
- Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại KE A2/7, Tân Kiên- Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là: 1.146 (Năm 2007: 962).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

### **2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### **2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đồng tiền kế toán**

Nhóm Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Nhóm Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước ngoại trừ rằng Nhóm công ty đã trích trước khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm cho những nhân viên làm việc trên một năm theo tỷ lệ là một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 theo đúng quy định của Luật Lao Động.

Ảnh hưởng của các thay đổi trong chính sách kế toán tới báo cáo tài chính hợp nhất năm trước và năm hiện tại được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 28.

### **3.2 Hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 *Hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)***

***Đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ cho các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán thể hiện phần chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu cao hơn giá trị thị trường tại ngày đó.

**3.3 *Tiền***

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**3.4 *Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 *Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 *Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.9 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

#### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### **3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động.

#### **3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

#### **3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **3.16 Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

#### **3.17 Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### **3.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.20 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- u Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- u Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.094.231	6.845.814
Tiền gửi ngân hàng	19.474.269	24.568.002
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.568.500</b>	<b>31.413.816</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**5.1 Đầu tư ngắn hạn**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu		
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Việt Tín	7.150.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Ngọc Tâm	3.300.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Á	4.180.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xanh	4.500.000	-
Những khoản đầu tư khác	55.705	3.126.385
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.185.705</b>	<b>3.126.385</b>

**5.2 Đầu tư của Công ty vào các Công ty con**

<i>Ngàn VNĐ</i>			
<i>Tên các công ty con</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa điểm đăng ký</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	61,00	Thành Phố Hồ Chí Minh -Việt Nam	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	66,67	Thành Phố Hồ Chí Minh -Việt Nam	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	68.072.419	90.653.678
Phải thu bên thứ ba	217.780.435	60.502.669
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>285.852.854</b>	<b>151.156.347</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	110.070.583	21.029.771
Thành phẩm	60.118.931	53.872.748
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.484.423	31.530.678
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	207.059.807	113.168.559
Công cụ, dụng cụ	5.673.427	5.271.337
Hàng mua đang đi trên đường	-	16.862.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>405.407.171</b>	<b>241.735.991</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(85.818.925)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>319.588.246</b>	<b>241.735.991</b>

**8. THUẾ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 25.2</i> )	4,139,437	-
Thuế nhập khẩu	883,102	-
Khác	8,192	8,192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5,030,731</b>	<b>8,192</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho vay – Ông Trần Tuấn Minh ( <i>thuyết minh số 26</i> )	10.500.000	-
Tài sản khác	1.435.551	778.771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.935.551</b>	<b>778.771</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu năm	121.589.129	18.435.895	13.459.176	1.937.189	856.965	156.278.354
Tăng trong năm	5.932.807	13.859.083	657.200	834.801	-	21.283.891
Thanh lý, nhượng bán	(8.588.161)	-	-	-	-	(8.588.161)
Số dư cuối năm	118.933.775	32.294.978	14.116.376	2.771.990	856.965	168.974.084
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.914.392	35.429	287.000	82.175	163.950	4.482.946
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số dư đầu năm	(36.216.072)	(1.165.327)	(3.886.165)	(792.280)	(175.229)	(42.235.073)
Khấu hao trong năm	(17.617.413)	(1.236.861)	(2.298.149)	(377.014)	(70.223)	(21.599.660)
Thanh lý, nhượng bán	3.620.950	-	-	-	-	3.620.950
Số dư cuối năm	(50.212.535)	(2.402.188)	(6.184.314)	(1.169.294)	(245.452)	(60.213.783)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm	85.373.057	17.270.568	9.573.011	1.144.909	681.736	114.043.281
Số dư cuối năm	68.721.240	29.892.790	7.932.062	1.602.696	611.513	108.760.301
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp</i>	26.635.871	18.614.983	1.320.644	-	-	46.571.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Máy móc thiết bị</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	6.120.263
Tăng trong năm	<u>15.023.240</u>
Số dư cuối năm	<u>21.143.503</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	195.864
Chi phí khấu hao trong năm	<u>1.518.674</u>
Số dư cuối năm	<u>1.714.538</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	<u>5.924.399</u>
Số dư cuối năm	<u>19.428.965</u>

Nhóm Công ty đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính Sacombank và công ty cho thuê tài chính Chailease International Leasing Co., Ltd.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Nhóm công ty có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại thuyết minh số 18.1

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	49.168.329	61.143	49.229.472
Tăng trong năm	<u>27.747.544</u>	<u>33.509</u>	<u>27.781.053</u>
Số dư cuối năm	<u>76.915.873</u>	<u>94.652</u>	<u>77.010.525</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.050.607	1.019	1.051.626
Khấu trừ trong năm	<u>1.536.560</u>	<u>5.750</u>	<u>1.542.310</u>
Số dư cuối năm	<u>2.587.167</u>	<u>6.769</u>	<u>2.593.936</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	<u>48.117.722</u>	<u>60.124</u>	<u>48.177.846</u>
Số dư cuối năm	<u>74.328.706</u>	<u>87.883</u>	<u>74.416.589</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp</i>	<u>74.328.706</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	23.984.750	23.984.750
Phần mềm kế toán Lemon 3	1.134.550	33.507
Xây dựng mái nhà kho	247.520	-
Công trình nhà xưởng	-	13.487.182
Khác	41.042	130.673
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.407.862</b>	<b>37.636.112</b>

**14. VAY NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	(1) 295,617,178	122,741,149
Khoản vay của Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(2) 129,947,783	87,842,147
Khoản vay của Ngân Hàng Malayan Banking Berhad	(3) 48,955,026	45,164,722
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	(4) 33,440,785	-
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(4) 30,928,533	-
Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	-	6,613,613
Những khoản vay khác	1,500,000	-
<b>Tổng cộng các khoản vay ngắn hạn</b>	<b>540,389,305</b>	<b>262,361,631</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 18</i> )	15,156,448	12,974,578
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>555,545,753</b>	<b>275,336,209</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

- (1) Khoản vay của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 7.2% đến 21% một năm, và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty, được đảm bảo bằng máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và nhà xưởng tọa lạc tại Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, theo như phụ lục tại những hợp đồng vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

- (2) Ngày 27 tháng 6 năm 2007, Nhóm công ty đã ký Hợp đồng số 01/2007-HDHM/72489 với Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam cho một hạn mức tín dụng 120 tỉ VNĐ để bổ sung nguồn vốn lưu động. Số dư của khoản vay này bao gồm nhiều khế ước vay bằng VNĐ với lãi suất từ 11% đến 20.4% một năm và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Máy móc và phương tiện vận tải theo như hợp đồng thế chấp số 03/2004/72489 ngày 1 tháng 12 năm 2004;
  - Bảo lãnh của Ông Trần Xảo Cơ và Bà Lưu Lang Phương bằng quyền sử dụng đất và tài sản tọa lạc tại số 7 đường Trần Diễn, Phường 10, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh theo như hợp đồng bảo lãnh số 02/2004/72489/BL;
  - Hàng tồn kho theo như hợp đồng thế chấp số 01/2007-HDTC/72489;
  - Tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác bằng VNĐ và ngoại tệ; và
  - Các khoản phải thu
- (3) Các khoản vay của ngân hàng Malayan Banking Berhad bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 16.2% đến 21% một năm và được hoàn trả trong vòng 3 tháng hoặc 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị theo như phụ lục những hợp đồng vay này.
- (4) Khoản vay của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam bao gồm nhiều khoản vay bằng VNĐ và USD với lãi suất từ 7% đến 19.2% một năm, và được hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Phần lớn những khoản vay này để bổ sung nguồn vốn lưu động của công ty và được đảm bảo bằng hàng tồn kho theo như phụ lục những hợp đồng vay này.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ:**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên có liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	4.136.697	-
Phải trả nhà cung cấp	116.631.630	102.150.524
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.768.327</b>	<b>102.150.524</b>

**16. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.127.903	1.116.009
Thuế thu nhập cá nhân	285.643	71.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 25.2</i> )	204.052	5.741.621
Thuế nhập khẩu	-	864.062
Các loại thuế khác	16.754	8.192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.634.352</b>	<b>7.800.940</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ của nhà phân phối	2.500.000	2.500.000
Bảo hiểm xã hội	614.797	335.051
Kinh phí công đoàn	113.205	53.155
Các khoản khác	16.747	2.526.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.244.749</b>	<b>5.414.750</b>

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản vay dài hạn		
Vay ngân hàng ( <i>Thuyết minh số 18.2</i> )	27.873.407	39.426.582
Nợ dài hạn		
Thuê tài chính ( <i>Thuyết minh số 18.1</i> )	13.336.170	2.958.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.209.577</b>	<b>42.384.710</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	15.156.448	12.974.578
<i>Nợ dài hạn</i>	26.053.129	29.410.132

**18.1 Thuê tài chính**

Nhóm công ty thuê máy móc thiết bị chuyên dùng cho việc sản xuất ống thép theo hợp đồng thuê tài chính. Nghĩa vụ tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo thỏa thuận thuê tài chính được xác định như sau:

	Ngàn VNĐ					
	Năm nay			Năm trước		
	<i>Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>Khoản phải trả tiền thuê</i>	<i>Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu</i>	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>Khoản phải trả tiền thuê</i>
<b>Phải trả ngắn hạn</b>	<b>7.729.729</b>	<b>1.797.794</b>	<b>5.931.935</b>	<b>2.253.303</b>	<b>733.595</b>	<b>1.519.708</b>
Dưới 1 năm	7.729.729	1.797.794	5.931.935	2.253.303	733.595	1.519.708
<b>Phải trả dài hạn</b>	<b>8.436.633</b>	<b>1.032.398</b>	<b>7.404.235</b>	<b>1.999.496</b>	<b>561.076</b>	<b>1.438.420</b>
Từ 1 năm đến 5 năm	8.436.633	1.032.398	7.404.235	1.999.496	561.076	1.438.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.166.362</b>	<b>2.830.192</b>	<b>13.336.170</b>	<b>4.252.799</b>	<b>1.294.671</b>	<b>2.958.128</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng**

	Số cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo
<b>Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín</b>				
Khế ước vay số KU 9100	1.786.760	84 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất kỳ hạn 13 tháng + 0.5%/tháng	Quyền sử dụng đất
Khế ước vay Số. KU 9115	8.223.314	72 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 4.1%/năm	Máy móc thiết bị
Khế ước vay số KU 9610	165.427	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất kỳ hạn 13 tháng + 0.4%/tháng	Quyền sử dụng đất
Khế ước vay số KU 10735	1.210.690	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 2.5% /năm	Máy móc thiết bị
Khế ước vay số KU 11232	8.240.501	120 tháng kể từ ngày giải ngân	1,2%/ tháng	Nhà xưởng tại Quận Bình Tân
Khế ước vay số KU 11883	1.392.143	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất Sibor 6 tháng + 3.1%/năm	Máy móc thiết bị
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>				
Khế ước vay số 72489/03	6.387.776	60 tháng kể từ ngày giải ngân	21%/năm	Không
<b>Ngân hàng United Oversea</b>				
Khế ước vay số KU 076	279.040	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 1% to 1.2%/tháng	Phương tiện vận tải trị giá 1.046.400 Ngàn VNĐ
Khế ước vay số KU 091	187.756	36 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 1% to 1.2%/tháng	Phương tiện vận tải trị giá 568.000 Ngàn VNĐ
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.873.407</b>			
<i>Trong đó:</i>				
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.224.513			
Nợ dài hạn	18.648.894			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư & phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>							
Số đầu năm	140.000.000	-	-	-	147.549	(5.409.377)	134.738.172
Điều chỉnh ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	-	-	-	-	-	(2.681.253)	(2.681.253)
Số đầu năm đã điều chỉnh	140.000.000	-	-	-	147.549	(8.090.630)	132.056.919
Phát hành cổ phiếu	43.000.000	64.500.000	-	-	-	-	107.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	33.872.556	33.872.556
Điều chỉnh ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	-	-	-	-	-	(3.684.877)	(3.684.877)
Lợi nhuận thuần trong năm đã điều chỉnh	-	-	-	-	-	30.187.679	30.187.679
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(144.075)	-	(144.075)
Số cuối năm	<u>183.000.000</u>	<u>64.500.000</u>			<u>3.474</u>	<u>22.097.049</u>	<u>269.600.523</u>
<b>Năm nay:</b>							
Số đầu năm	183.000.000	64.500.000	-	-	3.474	22.097.049	269.600.523
Phát hành cổ phiếu	7.000.000	10.500.000	-	-	-	-	17.500.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(19.898.246)	(19.898.246)
Cổ tức đã công bố và đã trả	-	-	-	-	-	(31.486.390)	(31.486.390)
Trích lập quỹ	-	-	3.446.177	3.373.177	2.492.792	(9.312.146)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(2.484.181)	-	(2.484.181)
Số cuối năm	<u>190.000.000</u>	<u>75.000.000</u>	<u>3.446.177</u>	<u>3.373.177</u>	<u>12.085</u>	<u>(38.599.733)</u>	<u>233.231.706</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**19.2 Cổ tức**

Công ty đã công bố và trả cổ tức bằng tiền 31.486.390 ngàn VNĐ

**19.3 Vốn cổ phần**

	<i>Số cổ phần</i>	<i>Mệnh giá Ngàn VNĐ</i>
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2007	14.000.000	140.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	<u>4.300.000</u>	<u>43.000.000</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007	18.300.000	183.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	<u>700.000</u>	<u>7.000.000</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>19.000.000</u>	<u>190.000.000</u>

Cổ phiếu của Công ty được phát hành với mệnh giá 10.000 ngàn đồng một cổ phiếu.

Công ty đã phát hành thêm 700.000 cổ phiếu vào ngày 5 tháng 1 năm 2008.

**20. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông ( <i>ngàn VNĐ</i> )	(19.898.246)	30.187.679
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	18.992.329	15.089.315
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>VNĐ</i> )	(1.048)	2.000

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu gộp</b>	<b>1.843.211.784</b>	<b>1.032.414.293</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	1.146.183.321	749.906.730
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	694.938.986	277.089.266
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	1.758.083	1.271.475
<i>Doanh thu khác</i>	331.394	4.146.822
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>(568.681)</u>	<u>(448.470)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.842.643.103</u></b>	<b><u>1.031.965.823</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu tài chính**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.007.249	1.370.896
Lãi tiền gửi	1.353.548	123.555
Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	336.337	-
Lãi do bán các khoản đầu tư	307.607	394.699
Doanh thu tài chính khác	13.620	51.052
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.018.361</u></b>	<b><u>1.940.202</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	79.321.580	27.138.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.575.967	1.251.084
Phí ngân hàng	2.331.078	1.788.113
Lỗ do bán các khoản đầu tư	1.877.062	2.035.730
Chi phí tài chính khác	46.238	237.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.151.925</u></b>	<b><u>32.451.213</u></b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.211.782</b>	<b>4.647.717</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.590.776	3.536.164
Khoản bồi thường cho hàng hóa bị hư hỏng	536.499	1.092.465
Các khoản thu khác	84.507	19.088
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.970.775</b>	<b>3.426.590</b>
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	4.967.211	3.426.590
Các khoản chi phí khác	3.564	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>5.241.007</u></b>	<b><u>1.221.127</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn thành phẩm	1.003.387.742	688.153.933
Giá vốn hàng hóa	631.240.357	243.413.095
Các khoản khác	85.591.803	532.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.720.219.902</u></b>	<b><u>932.099.156</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty là 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn về giảm và giãn thuế TNDN, Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu được giảm 30% thuế TNDN phải trả cho quý IV năm 2008 và cho năm 2009.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VNĐ Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	1.016.758	14.246.235
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</i>	-	14.074.519
<i>Thuế thu nhập của các Công ty con</i>	1.016.758	171.716
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	490.658	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.507.416</b>	<b>14.246.235</b>

**25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty và kết quả của lãi (lỗ) kế toán với mức thuế suất được áp dụng trong năm:

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>(Lỗ) lợi nhuận trước thuế</b>	(17.928.961)	45.629.407
<b>Điều chỉnh</b>		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.844.319	-
Trợ cấp mất việc làm	617.698	-
Các chi phí không được khấu trừ	7.205.385	9.250.004
<b>Điều chỉnh (lỗ) lợi nhuận trước khi chuyển lỗ</b>	<b>(4.261.559)</b>	<b>54.879.411</b>
Lỗ được chuyển sang	-	(4.000.000)
<b>(Lỗ) lợi nhuận đã điều chỉnh</b>	<b>(4.261.559)</b>	<b>50.879.411</b>
<i>Trong đó:</i>		
Lỗ được chuyển sang kỳ sau ước tính	(7.817.899)	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	(74.939)	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>3.631.279</b>	<b>50.879.411</b>
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành (thuế suất 28%)</b>	<b>1.016.758</b>	<b>14.246.235</b>
Thuế TNDN phải trả (phải thu) đầu năm	5.741.621	(2.046.419)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	490.658	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(11.184.422)	(6.458.195)
<b>Thuế TNDN (phải thu) phải trả cuối năm</b>	<b>(3.935.385)</b>	<b>5.741.621</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải thu cuối năm	(4.139.437)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	204.052	5.741.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chính có các biến động trong năm báo cáo và năm trước được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Ghi thu nhập (chi phí) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.461.080	-	1.461.080	-
Chuyển lỗ	2.308.349	3.840.788	(1.532.439)	(1.120.000)
Trợ cấp mất việc làm	154.425	-	154.425	-
<b>Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b><u>3.923.854</u></b>	<b><u>3.840.788</u></b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b><u>83.066</u></b>	<b><u>(1.120.000)</u></b>

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Ngàn VNĐ	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty trách nhiệm Hữu Hạn Thương Mại và dịch vụ Nghiệp Quyền	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	39.242.398	347.684.038
Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Tân Tấn Tài	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	2.295.502	64.849.594
Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Tân Tấn Huy	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	481.350	5.483.424
Công ty Cổ Phần thép Nam Kim	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	91.961.866	99.812.884
Công ty TNHH Thái Sơn	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	13.333	
Công ty TNHH Bảo Nghi Gia	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	379.849	12.267.245
Ông Trần Xảo Cơ (Thuyết minh số 5)	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	Mua chứng khoán	19.130.000	
Ông Trần Tuấn Minh (Thuyết minh số 9)	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Cho vay với lãi suất 12%/năm		10.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Những điều khoản và điều kiện với các bên liên quan:*

Việc bán hàng được thực hiện bởi Công ty theo bảng giá thường xuyên của Công ty. Những nghiệp vụ mua hàng được giảm giá so với giá thị trường là do hàng đã mua với số lượng lớn.

Số dư còn lại tại ngày kết thúc năm thì không được đảm bảo bằng tài sản thế chấp, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã không lập bất kỳ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền còn nợ của các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc niên độ của các bên liên quan như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
<b><i>Khoản phải thu thương mại</i></b>			
Công ty trách nhiệm Hữu Hạn Thương Mại và dịch vụ Nghiệp Quyền	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	53.638.823
Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Tân Tân Tài	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	4.329.923
Công ty TNHH Bảo Nghi Gia	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	1.227.572
Công ty Cổ Phần thép Nam Kim	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	<u>8.876.101</u>
			<b><u>68.072.419</u></b>
<b><i>Các khoản phải trả thương mại</i></b>			
Công ty Cổ Phần thép Nam Kim	Công ty liên kết	Mua Nguyên vật liệu	<u>4.136.697</u>
<b><i>Cho vay</i></b>			
Ông Trần Tuấn Minh (Thuyết minh số 9)	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Cho vay với lãi suất 12%/năm	<u>10.500.000</u>

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm ba bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép;  
Sản xuất hàng nội thất  
Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

				Ngàn VNĐ
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Sản xuất hàng nội thất</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Doanh thu</i>				
Tổng doanh thu của bộ phận	1.823.352.936	35.526.719	720.909	1.859.600.564
Doanh thu giữa các bộ phận	(16.388.780)	-	-	(16.388.780)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.806.964.156</u></b>	<b><u>35.526.719</u></b>	<b><u>720.909</u></b>	<b><u>1.843.211.784</u></b>
<i>Kết quả bộ phận</i>				
Kết quả hoạt động kinh doanh	(20.346.841)	2.355.127	62.753	(17.928.961)
Thuế TNDN				(1.424.350)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(544.935)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>				<b><u>(19.898.246)</u></b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

				Ngàn VNĐ
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Sản xuất hàng nội thất</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản bộ phận	912.128.726	18.595.303	30.800.329	961.524.358
Nợ phải trả bộ phận	705.973.995	7.043.082	755.147	713.772.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép hàng nội thất</i>	<i>Sản xuất</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Doanh thu</i>				
Tổng doanh thu của bộ phận	1.030.323.101	7.402.735	-	1.037.725.836
Doanh thu giữa các bộ phận	(5.311.543)	-	-	(5.311.543)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.025.011.558</b>	<b>7.402.735</b>	<b>-</b>	<b>1.032.414.293</b>
<i>Kết quả bộ phận</i>				
Kết quả hoạt động kinh doanh	45.261.410	367.997	-	45.629.407
Thuế TNDN				(15.366.235)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(75.493)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>				<b>30.187.679</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Ngàn VNĐ			
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép hàng nội thất</i>	<i>Sản xuất</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản bộ phận	688.832.807	11.506.725	-	700.339.532
Nợ phải trả bộ phận	423.353.072	4.810.444	-	428.163.516

**28. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Các số liệu tương ứng được trình bày lại như sau:

	(1)	VND'000
Lợi nhuận giữ lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2007		
Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1)	2.681.253
Lợi nhuận kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2007		
Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1)	532.128
Điều chỉnh chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN	(2)	2.042.311
Điều chỉnh cho chi phí trả trước	(3)	1.090.436
Các khoản khác		20.002
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.684.877</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

**(1) Điều chỉnh dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Nhóm Công ty đã không trích lập trợ cấp mất việc làm cho những nhân viên làm việc từ một năm trở lên theo mức nửa tháng lương bình quân cho toàn bộ thời gian làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Bộ Luật Lao Động. Trong năm 2008, Nhóm Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Tăng khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.681.253 ngàn VNĐ;
- Tăng chi phí cho trợ cấp mất việc làm năm 2007 là 532.128 ngàn VNĐ; và
- Tăng dự phòng trợ cấp mất việc làm tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 3.213.381 ngàn VNĐ.

**(2) Điều chỉnh chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN**

Nhóm Công ty đã giảm trừ chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế TNDN phát sinh trong năm 2007 vào lợi nhuận giữ lại thay vì ghi nhận các khoản này là chi phí quản lí doanh nghiệp phát sinh trong năm với số tiền là 2.042.311 ngàn VNĐ. Trong năm 2008, Nhóm Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Tăng lợi nhuận giữ lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.042.311 ngàn VNĐ; và
- Tăng chi phí quản lí trong năm 2007 là 2.042.311 ngàn VNĐ.

**(3) Điều chỉnh cho chi phí trả trước**

Nhóm Công ty đã ghi nhận chi phí quảng cáo 1.090.436 ngàn đồng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 dưới dạng chi phí trả trước trong khi khoản chi phí này cần phải ghi nhận như chi phí khi phát sinh. Trong năm 2008, Nhóm Công ty đã phát hiện sai sót này và điều chỉnh hồi tố các tài khoản có liên quan như sau:

- Giảm chi phí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.090.436 ngàn VNĐ; và
- Tăng chi phí quản lí trong năm 2007 là 1.090.436 ngàn VNĐ.

Ngoài ra, một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm 2007 đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG** (tiếp theo)

Những ảnh hưởng lên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của những bút toán điều chỉnh hồi tố này sinh từ vấn đề đã đề cập ở trên và của việc phân loại lại theo như những phát hiện năm nay. Những quy định theo Chuẩn mực kế toán hiện hành được tóm tắt như sau:

	<i>Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2007</i>	<i>Đã được trình bày lại</i>
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		
Khoản phải thu ngắn hạn	181.939.852	182.012.870
Hàng tồn kho	224.964.914	241.735.991
Những tài sản dài hạn khác	19.215.846	18.099.806
Vay và Nợ ngắn hạn	376.245.763	395.540.003
Vay và Nợ dài hạn	33.429.840	32.623.513
Lợi nhuận giữ lại	26.335.030	22.097.049
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>		
Giá vốn hàng bán	931.784.388	932.099.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.716.092	18.937.800
Chi phí bán hàng	4.919.140	6.009.576
Chi phí khác	3.469.720	3.426.590
Lợi nhuận trước thuế	49.213.188	45.629.407
Lợi nhuận sau thuế	33.872.556	30.263.172
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>		
Lợi nhuận trước thuế	49.213.188	45.629.407
Tiền đã dùng vào hoạt động kinh doanh	(76.117.273)	(76.947.748)
Tiền đã dùng vào hoạt động đầu tư	(34.653.716)	(33.823.240)
Tiền thu từ hoạt động tài chính	122.643.534	122.643.535

\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Phan Văn Thơm

\_\_\_\_\_  
Tổng Giám Đốc  
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 27 tháng 3 năm 2009